

**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG  
TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012**



## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 06 năm 2012	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 37

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tập Đoàn Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long, (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoàng Long được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở được đặt tại 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng.

Đến thời điểm 30/06/2012, Công ty có đầu tư vào 08 công ty con.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điều, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cừ tràm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mượn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi (ngoài tỉnh);
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyển nhượng cầu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình);
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất chế biến thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại....

### 2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch
Bà Phạm Thúy An	Thành viên
Ông Ngô Kinh Luân	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Châu Minh Đạt	Thành viên

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Phạm Phúc Toại	Tổng Giám Đốc
Ông Châu Minh Đạt	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Đặng Hoàng Phương	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Phan Văn Thanh	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Trúc	Giám Đốc Tài Chính kiêm Kế Toán Trưởng

### 3. Tình hình kinh doanh 6 tháng năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Tổng Giám Đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012 cho Tập đoàn.

### 6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bằng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Long An, ngày 27 tháng 08 năm 2012

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHẠM PHÚC TOẠI**



Số: 13.134/BCKTHN-DTL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 01 tháng 08 năm 2012 của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 04 đến trang 37 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, dựa vào cuộc kiểm toán của chúng tôi báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất của giai đoạn tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2012



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẶNG XUÂN CẢNH**  
Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**DIỆC LỆ BÌNH**  
Chứng chỉ KTV số 1714/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.144.126.777.314</b>	<b>1.194.535.069.316</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>16.123.105.833</b>	<b>17.504.224.245</b>
1. Tiền	111		16.123.105.833	17.504.224.245
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	5.2	<b>660.025.347.045</b>	<b>686.285.254.747</b>
1. Phải thu khách hàng	131		391.506.206.561	396.147.194.580
2. Trả trước cho người bán	132		187.290.902.004	269.259.277.648
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		85.224.799.723	24.875.343.762
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.996.561.243)	(3.996.561.243)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>444.469.594.083</b>	<b>459.569.461.675</b>
1. Hàng tồn kho	141		447.541.585.222	459.569.461.675
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.071.991.139)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>23.508.730.353</b>	<b>31.176.128.649</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	3.887.280.831	4.873.098.962
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.221.868.423	116.883.799
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	1.066.408.386	1.333.962.602
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	10.333.172.713	24.852.183.286

(Phần tiếp theo ở trang 05)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.017.633.652.422</b>	<b>953.812.248.380</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>860.930.172.626</b>	<b>799.019.949.422</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	255.867.265.462	269.066.629.418
+ Nguyên giá	222		373.680.543.605	367.236.721.982
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.813.278.143)	(98.170.092.564)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	51.892.381.232	51.945.881.234
+ Nguyên giá	228		52.473.347.920	52.473.347.920
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(580.966.688)	(527.466.686)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	553.170.525.932	478.007.438.770
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>	5.10	<b>131.978.108.439</b>	<b>131.978.108.439</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		131.978.108.439	131.978.108.439
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Lợi thế thương mại</i>	<b>260</b>		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>270</b>		<b>24.725.371.357</b>	<b>22.814.190.519</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.11	12.820.061.378	11.789.841.394
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	5.12	10.920.582.602	10.909.349.125
3. Tài sản dài hạn khác	278	5.13	984.727.377	115.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>2.161.760.429.736</b>	<b>2.148.347.317.696</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.599.988.941.288</b>	<b>1.562.990.618.513</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.521.658.436.366</b>	<b>1.345.444.374.203</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	864.329.540.668	800.589.964.892
2. Phải trả người bán	312	5.15	262.369.867.911	293.912.614.582
3. Người mua trả tiền trước	313	5.15	150.029.853.448	14.261.536.016
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	18.081.493.455	12.674.259.772
5. Phải trả người lao động	315		8.000.268.392	12.107.505.757
6. Chi phí phải trả	316	5.17	53.530.648.459	58.731.391.468
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.18	144.479.624.109	138.381.882.995
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		20.837.139.924	14.785.218.721
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>78.330.504.922</b>	<b>217.546.244.310</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.19	5.958.228.826	5.997.805.888
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.20	59.368.589.436	196.628.850.494
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	5.21	14.510.651	14.510.651
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	4.255.350
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.22	12.989.176.009	14.900.821.927
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>561.657.873.079</b>	<b>571.762.060.708</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.23	<b>561.657.873.079</b>	<b>571.762.060.708</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		443.753.850.000	443.753.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		93.962.961	93.962.961
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.625.260.797	16.482.223.295
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.826.941.005	14.312.511.004
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		88.857.858.316	104.619.513.448
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỘ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>	5.24	<b>113.615.369</b>	<b>13.594.638.475</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.161.760.429.736</b>	<b>2.148.347.317.696</b>



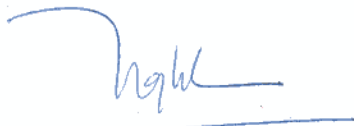
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại :			
- USD		245.131,19	243.243,55
- EUR		141.919,23	235,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**NGUYỄN THỊ TRÚC**

Long An, ngày 01 tháng 08 năm 2012

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.057.635.262.587	830.095.105.396
2. Các khoản giảm trừ	02	6.1	19.531.829.177	15.278.300.126
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.038.103.433.410	814.816.805.270
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	897.650.231.945	644.495.152.678
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		140.453.201.465	170.321.652.592
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.931.941.676	11.919.761.480
7. Chi phí tài chính	22	6.4	39.222.129.335	62.380.947.762
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		31.729.446.076	29.444.137.243
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	48.308.679.687	47.038.087.994
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	35.857.425.002	34.000.724.793
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.996.909.117	38.821.653.523
11. Thu nhập khác	31	6.7	4.877.825.930	4.349.511.364
12. Chi phí khác	32	6.8	3.253.765.249	3.333.103.774
13. Lợi nhuận khác	40		1.624.060.681	1.016.407.590
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		23.620.969.798	39.838.061.113
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		1.248.124.203	600.415.314
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.9	(11.233.477)	141.608.395
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		22.384.079.072	39.096.037.404
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		(14.199.466)	(118.284.822)
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		22.398.278.538	39.214.322.226
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	80	5.23	506	887

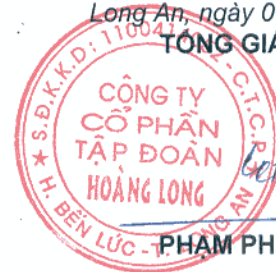
KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 01 tháng 08 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.620.969.798	39.838.061.113
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		19.696.685.581	16.858.953.955
Các khoản dự phòng	03		3.071.991.139	-
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(2.361.692.040)	1.274.460.265
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(438.553.760)	(270.559.632)
Chi phí lãi vay	06		31.729.446.076	29.444.137.243
Điều chỉnh khác			-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>75.318.846.794</b>	<b>87.145.052.944</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(415.738.081.752)	(534.910.821.794)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.027.876.453	(55.614.589.649)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		546.808.821.475	534.317.712.241
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(44.401.853)	(2.796.258.029)
Tiền lãi vay đã trả	13		(35.080.003.174)	(46.020.107.717)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(544.837.781)	(2.079.878)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		12.700.910.465	1.391.986.045
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			(50.185.107.363)	(1.490.255.554)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>			<b>145.264.023.264</b>	<b>(17.979.361.391)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(47.569.519.375)	(52.119.677.728)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.972.702.851
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		438.553.760	239.565.807
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(47.130.965.615)</b>	<b>(49.907.409.070)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.364.930.599.250	864.644.715.839
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.437.817.123.704)	(794.559.620.963)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.508.120.000)	(30.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(99.394.644.454)</b>	<b>70.055.094.876</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.261.586.805)</b>	<b>2.168.324.415</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>17.504.224.245</b>	<b>17.880.674.692</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(119.531.607)	2.551.977
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>16.123.105.833</b>	<b>20.051.551.084</b>

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 01 tháng 08 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 08 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điếu, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê : máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại ; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cừ tràm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mướn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi ( ngoài tỉnh);
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyển nhượng cầu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng ( trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình);
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất và chế biến thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại....

(Phần tiếp theo ở trang 12)

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Lầu 2, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Tầng trệt, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức tỉnh Long An	100%	100%
4.	Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	281-283 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP.HCM	100%	100%
5.	Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
6.	Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
7.	Công ty CP Hoàng Long Mê Kông	Số 154D, đường 134, P.Veal Vong, Quận 7 Makara, TP.Pnompenh Campuchia	55%	87.11%
8.	Công ty CP Thanh Mỹ	469 Đinh Bộ Lĩnh, KP5, Phường 9, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	98.90% (năm trước 60% - xem mục 5.24)	98.90% (năm trước 61.13% - xem mục 5.24)

## 1.4. Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
Công ty TNHH SX và TMDV Thanh Thy	A-14 Lô H30 Khu Phố Mỹ Quang, Q.7, TP.HCM	30%	30%

## 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam

## 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

## 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012.

## 4. Các chính sách kế toán áp dụng

### 4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long, báo cáo tài chính các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Tại thời điểm thụ đắc công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán trực tiếp vào chi phí trong kỳ.

### 4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối giai đoạn tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### 4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

#### ▪ Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

#### ▪ Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

#### ▪ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản khác	02 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 – 50 năm

### 4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

### 4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần lương tối thiểu chung được Chính Phủ quy định trong từng thời kỳ.

### 4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: trích lập căn cứ vào Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm.

#### 4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

- Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ghi nhận khi thu được 70% tiền ứng trước từ khách hàng theo quy định trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

#### 4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Ưu đãi thuế : các công ty trong Tập đoàn được giảm 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị Định 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 07 năm 2012 đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ

- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các công ty trong Tập đoàn.

#### 4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

## 4.14. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của giai đoạn tài chính này:

Bảng cân đối kế toán (trích)

	Đầu năm (Phân loại lại)	Đầu năm (Đã được trình bày trước đây)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	1.376.512.290
Quỹ khen thưởng phúc lợi	14.785.218.721	13.408.706.431

Lý do trình bày lại : trình bày lại cho phù hợp với nội dung và mục đích sử dụng quỹ

## 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	2.516.357.242	2.078.892.105
Tiền gửi ngân hàng	13.606.748.591	15.425.332.140
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.123.105.833</b>	<b>17.504.224.245</b>

### 5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	391.506.206.561	396.147.194.580
Trả trước cho người bán	187.290.902.004	269.259.277.648
Các khoản phải thu khác	85.224.799.723	24.875.343.762
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>664.021.908.288</b>	<b>690.281.815.990</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.996.561.243)	(3.996.561.243)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>660.025.347.045</b>	<b>686.285.254.747</b>

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu về hoạt động thương mại	322.744.235.434	330.153.732.853
Phải thu hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	68.761.971.127	65.993.461.727
<b>Cộng</b>	<b>391.506.206.561</b>	<b>396.147.194.580</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản trả trước người bán được chi tiết như sau :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trả trước hoạt động thi công	10.936.413.488	5.553.355.810
Trả trước hoạt động thương mại	168.960.091.592	9.780.320.500
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu	6.148.425.600	253.518.867.714
Khác	1.245.971.324	406.733.624
<b>Cộng</b>	<b>187.290.902.004</b>	<b>269.259.277.648</b>

Chi tiết các khoản phải thu khác gồm :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu tiền cho mượn	70.809.919.761	12.433.782.295
Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng	1.230.224.437	1.236.268.237
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa khấu trừ	187.452.000	1.538.755.304
Phải thu thuế nhập khẩu được hoàn	873.366.435	-
Phải thu do chi trước quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.083.414.723	-
Ứng trước tiền nuôi thủy sản	3.787.509.000	4.175.354.500
Phải thu Ông Phạm Phúc Toại – xem mục 7	3.217.351.888	20.828.000
Phải thu Công ty Thanh Thy – xem mục 7	542.000.000	542.000.000
Khác	2.493.561.479	4.928.355.426
<b>Cộng</b>	<b>85.224.799.723</b>	<b>24.875.343.762</b>

**5.3. Hàng tồn kho**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	6.526.954.234	23.232.000
Nguyên liệu, vật liệu	50.795.730.027	62.562.910.852
Công cụ, dụng cụ	7.663.386.955	8.614.069.952
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	164.946.685.556	174.004.921.841
Thành phẩm	185.587.457.383	182.339.222.242
Hàng hóa	32.021.371.067	32.025.104.788
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>447.541.585.222</b>	<b>459.569.461.675</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.071.991.139)	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>444.469.594.083</b>	<b>459.569.461.675</b>

**5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.443.094.989	2.869.930.849
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	1.212.210.718	1.784.077.204
Khác	231.975.124	219.090.909
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.887.280.831</b>	<b>4.873.098.962</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế TNDN nộp thừa	1.054.662.530	1.322.067.746
Thuế TNCN nộp thừa	10.245.856	10.394.856
Khác	1.500.000	1.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.066.408.386</b>	<b>1.333.962.602</b>

### 5.6. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	4.489.436.104	3.826.810.211
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.843.736.609	21.025.373.075
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.333.172.713</b>	<b>24.852.183.286</b>

(Phần tiếp theo ở trang 19)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	25.984.623.887	117.349.610.218	215.354.629.461	4.172.135.832	4.375.722.584	367.236.721.982
Mua trong kỳ	2.743.103.727	2.895.704.260	655.000.000	-	150.013.636	6.443.821.623
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>28.727.727.614</b>	<b>120.245.314.478</b>	<b>216.009.629.461</b>	<b>4.172.135.832</b>	<b>4.525.736.220</b>	<b>373.680.543.605</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	5.531.414.559	16.391.204.436	71.661.804.012	3.479.164.527	1.106.505.030	98.170.092.564
Khấu hao trong kỳ	1.124.497.583	5.566.260.927	12.430.641.438	218.863.754	302.921.877	19.643.185.579
Phân loại TSCĐ	(32.157.840)	(77.416.355)	-	-	109.574.195	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.623.754.302</b>	<b>21.880.049.008</b>	<b>84.092.445.450</b>	<b>3.698.028.281</b>	<b>1.519.001.102</b>	<b>117.813.278.143</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	20.453.209.328	100.958.405.782	143.692.825.449	692.971.305	3.269.217.554	269.066.629.418
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>22.103.973.312</b>	<b>98.365.265.470</b>	<b>131.917.184.011</b>	<b>474.107.551</b>	<b>3.006.735.118</b>	<b>255.867.265.462</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thể chấp là : 125.220.971.154 đồng
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.610.802.279 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	52.463.047.920	10.300.000	52.473.347.920
Tăng trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>52.463.047.920</b>	<b>10.300.000</b>	<b>52.473.347.920</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	517.166.686	10.300.000	527.466.686
Khấu hao trong kỳ	53.500.002	-	53.500.002
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>570.666.688</b>	<b>10.300.000</b>	<b>580.966.688</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	51.945.881.234	-	51.945.881.234
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>51.892.381.232</b>	<b>-</b>	<b>51.892.381.232</b>

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 10.300.000 đồng
- Giá trị còn lại tài sản thế chấp cho ngân hàng là 21.546.137.183 đồng

**5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	129.073.798.421	128.313.113.494
Hệ thống xử lý nước khoáng, giếng bình	2.025.000.000	2.025.000.000
Giếng khoan	1.959.967.573	1.959.967.573
Quyền sử dụng đất nhà xưởng nước khoáng	4.437.843.028	4.437.843.028
Hệ thống xử lý nước thải Long Cang	4.619.233.443	4.628.173.443
Công trình nhà máy chế biến thủy sản Thủy Sản Hoàng Long	410.433.022.885	336.387.157.232
Khác	621.660.582	256.184.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>553.170.525.932</b>	<b>478.007.438.770</b>

**5.10. Đầu tư tài chính dài hạn**

Là khoản góp vốn vào Công ty TNHH SX và TM Thanh Thy với tỷ lệ góp vốn bằng 30% vốn chủ sở hữu.

**5.11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí CCDC chờ phân bổ	9.696.269.203	8.586.977.036
Chi phí cải tạo ao, nhà kho	2.230.375.227	2.575.600.174
Chi phí thuê đất	547.332.738	576.139.722
Chi phí sửa chữa lớn	-	47.085.616
Thiết bị, phụ tùng xe ô tô	341.270.203	-
Khác	4.814.007	4.038.846
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.820.061.378</b>	<b>11.789.841.394</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.12. Tài sản thuế hoãn lại

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim	3.520.485.176	3.510.035.669
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	7.139.034.378	7.139.034.378
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời khác	261.063.048	260.279.078
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.920.582.602</b>	<b>10.909.349.125</b>

### 5.13. Tài sản dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ký quỹ thuê kho theo HĐ số 02/TMB08 ngày 10/10/2008 với công ty Phương Nam	100.000.000	100.000.000
Ký quỹ chống phá giá cho bên Hoa Kỳ	843.727.377	-
Đặt cọc khác	41.000.000	15.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>984.727.377</b>	<b>115.000.000</b>

### 5.14. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	860.929.540.668	800.589.964.892
Vay đối tượng khác	3.400.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>864.329.540.668</b>	<b>800.589.964.892</b>

Vay ngân hàng với lãi suất từ 15%/năm đến 19,66%/năm đối với VNĐ, 6,5%/năm đến 9,5%/năm đối với USD với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp sau:

- Quyền sử dụng đất tại xã Long Cang, Huyện Cần Đước, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 0099/NHNT-TDC/TC11 ngày 23 tháng 03 năm 2011
- Các tài sản thế chấp cho ngân hàng PG Bank ứng với hợp đồng tín dụng số 149/2011/HMTD/NH-PN/PCB ngày 29/03/2011. Trị giá tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tương ứng là 390.212.349.000 đồng.
- 7.400.658 cổ phiếu HLG được phát hành bởi Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long trị giá 189.456.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp số 0142/HDTG/PGBLA/09 ngày 30/12/2009
- Toàn bộ bất động sản tại nhà máy, hàng tồn kho, các khoản phải thu, các trang thiết bị, máy móc tại nhà máy chế biến thủy sản.

### 5.15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	262.369.867.911	293.912.614.582
Người mua trả tiền trước	150.029.853.448	14.261.536.016
<b>Tổng cộng</b>	<b>412.399.721.359</b>	<b>308.174.150.598</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả tiền đền bù giải tỏa	5.707.412.000	5.707.412.000
Phải trả tiền mua nhà máy sản xuất thức ăn nổi	7.914.640.000	7.914.640.000
Phải trả hoạt động thương mại	4.431.009.386	5.622.584.968
Phải trả tiền mua nguyên liệu chế biến thủy sản	239.178.528.173	272.315.648.592
Phải trả về hoạt động thi công	1.446.914.748	1.259.245.835
Khác	3.691.363.604	1.093.083.187
<b>Cộng</b>	<b>262.369.867.911</b>	<b>293.912.614.582</b>

Chi tiết khoản người mua trả tiền trước như sau :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trả trước cho hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	31.101.828.922	2.761.184.112
Trả trước cho hoạt động thương mại	118.852.717.066	10.754.766.503
Khác	75.307.460	745.585.401
<b>Cộng</b>	<b>150.029.853.448</b>	<b>14.261.536.016</b>

**5.16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế GTGT hàng nội địa	5.222.790.883	3.051.407.929
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	3.329.853.602	665.388.869
Thuế TNDN	5.998.270.887	5.581.933.352
Thuế TNCN	408.608.190	253.241.279
Thuế tài nguyên	24.760.370	25.101.377
Các khoản phí, lệ phí	3.097.209.523	3.097.186.966
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.081.493.455</b>	<b>12.674.259.772</b>

**5.17. Chi phí phải trả**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước chi phí cho công trình Long Kim 2	18.513.790.507	18.513.790.507
Trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	28.556.137.510	28.556.137.510
Trích trước chi phí nuôi cá chưa quyết toán	312.682.999	5.154.426.000
Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	1.021.439.200
Trích trước lương, thưởng tháng 13	-	1.148.604.172
Trích trước chi phí vận chuyển	2.541.129.499	-
Trích trước chi phí lãi vay	2.874.782.844	4.161.994.079
Khác	732.125.100	175.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>53.530.648.459</b>	<b>58.731.391.468</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý		-
Kinh phí công đoàn	874.206.232	707.617.936
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.067.170.319	723.451.143
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	603.726.000	603.726.000
Phải trả Công ty TNHH Thanh Thy – xem mục 7	16.703.443.935	19.475.443.935
Phải trả tiền mượn cho ông Phạm Phúc Toại – xem mục 7	525.425.500	504.597.500
Phải trả tiền mượn cho ông Phạm Hoàng Long – xem mục 7	780.000.000	-
Phải trả tiền hàng chưa có hóa đơn	9.567.702.881	16.539.793.518
Phải trả tiền lãi vay ngân hàng	2.035.660.934	4.099.006.797
Phải trả tiền mượn các đối tượng khác	109.137.647.131	93.447.123.910
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.184.641.177	2.281.122.256
<b>Tổng cộng</b>	<b>144.479.624.109</b>	<b>138.381.882.995</b>

**5.19. Phải trả dài hạn khác**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhận ký quỹ của tài xế lái xe taxi	5.778.228.826	5.367.805.888
Nhận đặt cọc bán hàng	180.000.000	630.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.958.228.826</b>	<b>5.997.805.888</b>

**5.20. Vay và nợ dài hạn**

Là khoản vay ngân hàng với lãi suất từ 14%/năm đến 23%/năm đối với VNĐ và 6%/năm đối với USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp gồm :

- 7.400.658 cổ phiếu HLG theo hợp đồng thế chấp số 0142/HĐTC/PGBLA/09 ngày 30/12/2009.
- 75 xe ô tô KIA CARENS theo các hợp đồng thế chấp sau : hợp đồng 03.20.2011.002.02 ngày 08/09/2011, hợp đồng 3001/2011/HĐTC-DN.HCM ngày 08/01/2011, hợp đồng 8412/2010/HĐTC-DN.HCM và hợp đồng 1905/2011/HĐTC-DN.HCM ngày 20/05/2011
- Toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà xưởng, thiết bị thuộc dự án Nhà máy chế biến thủy sản Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 277/2009/HĐTC/PGB ngày 22/07/2009
- Diện tích đất trồng lúa tại huyện Tam Nông và huyện Thanh Bình

**5.21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Là thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản lỗ chưa thực hiện trong hàng tồn kho

**5.22. Doanh thu chưa thực hiện**

Là tiền khách hàng ứng trước theo tiến độ hợp đồng kinh doanh bất động sản

(Phần tiếp theo ở trang 24)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.23. Vốn chủ sở hữu**

**5.23.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	443.753.850.000	(7.500.000.000)	44.715.649	26.982.559.962	77.104.211.373	540.385.336.984
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	62.860.750.031	62.860.750.031
CL tỷ giá	-	-	49.247.312	-	-	49.247.312
Phần lỗ gánh chịu cho CĐTS	-	-	-	-	(227.781.356)	(227.781.356)
Trích quỹ	-	-	-	3.812.174.337	(8.047.923.600)	(4.235.749.263)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(27.069.743.000)	(27.069.743.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>93.962.961</b>	<b>30.794.734.299</b>	<b>104.619.513.448</b>	<b>571.762.060.708</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	22.398.278.538	22.398.278.538
Trích quỹ	-	-	-	5.657.467.503	(11.943.542.506)	(6.286.075.003)
Phần lỗ gánh chịu cho CĐTS	-	-	-	-	(6.791.945)	(6.791.945)
Tặng khác	-	-	-	-	298.520.781	298.520.781
Chia cổ tức	-	-	-	-	(26.508.120.000)	(26.508.120.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>93.962.961</b>	<b>36.452.201.802</b>	<b>88.857.858.316</b>	<b>561.657.873.079</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.23.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	443.753.850.000	443.753.850.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>443.753.850.000</b>

**5.23.3. Cổ phần**

Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	44.375.388	44.375.388
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(150.000)	(150.000)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	44.225.385	44.225.385

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**5.23.4. Lãi cơ bản trên cổ phần**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	22.398.278.538	39.214.322.226
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	44.225.385	44.225.385
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>506</b>	<b>887</b>

**5.24. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	13.594.638.475	13.729.815.411
Vốn góp của cổ đông thiểu số giảm trong kỳ - xem mục 1.3	(13.473.615.585)	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	(7.407.521)	27.445.036
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>113.615.369</b>	<b>13.757.260.447</b>

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động thương mại	59.225.469.000	67.905.170.595
Doanh thu hoạt động thi công	7.656.743.921	4.240.239.115
Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.209.696.370	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	296.234.297	182.553.178
Doanh thu cung cấp nước	4.942.169.743	2.899.394.600
Doanh thu taxi	70.460.151.626	66.198.264.674
Doanh thu chế biến thủy sản	905.923.586.685	688.623.830.493
Doanh thu khác	6.921.210.945	45.652.741
Hàng bán bị trả lại	(19.531.829.177)	(15.278.300.126)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.038.103.433.410</b>	<b>814.816.805.270</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hoạt động thương mại	56.591.983.295	64.132.435.993
Giá vốn hoạt động thi công	7.556.802.082	3.753.308.485
Giá vốn hoạt động bất động sản	2.418.040.390	(51.069.600)
Giá vốn cung cấp nước	2.382.693.316	1.820.910.329
Giá vốn hoạt động taxi	53.239.506.296	49.930.730.130
Giá vốn chế biến thủy sản	767.968.321.913	524.908.837.341
Giá vốn hoạt động khác	4.420.893.514	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.071.991.139	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>897.650.231.945</b>	<b>644.495.152.678</b>

### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	438.553.760	239.565.807
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.098.045.374	8.923.532.328
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.395.342.542	2.756.663.345
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.931.941.676</b>	<b>11.919.761.480</b>

### 6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	31.729.446.076	28.683.694.549
Lãi tiền nhận ký quỹ của tài xế taxi	-	156.558.900
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.089.358.956	29.509.492.574
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	33.650.502	4.031.123.610
Chi phí chiết khấu thanh toán	25.190.700	-
Khác	344.483.101	78.129
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.222.129.335</b>	<b>62.380.947.762</b>

### 6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	4.074.204.570	2.013.540.047
Chi phí dụng cụ, đồ dùng, vật liệu, bao bì	9.269.535.775	9.486.168.764
Chi phí khấu hao tài sản cố định	264.674.670	272.260.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.739.593.741	25.473.009.525
Chi phí bằng tiền khác	2.960.670.931	9.793.108.870
<b>Tổng cộng</b>	<b>48.308.679.687</b>	<b>47.038.087.994</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	19.450.293.095	16.331.088.647
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	2.749.035.099	1.531.908.286
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.574.711.925	2.669.460.119
Thuế, phí và lệ phí	139.710.590	357.806.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.195.355.272	6.003.922.668
Chi phí bằng tiền khác	7.748.319.021	7.106.538.464
<b>Tổng cộng</b>	<b>35.857.425.002</b>	<b>34.000.724.793</b>

**6.7. Thu nhập khác**

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu phí đo đạc	-	44.651.365
Thu tiền bán phế liệu	745.619.031	843.490.353
Thu thanh lý tài sản cố định	-	1.972.702.851
Thu lại trả chậm, phạt vi phạm hợp đồng	1.333.209.001	560.051.906
Thu tiền đồng phục của nhân viên	264.930.008	-
Xử lý quỹ hỗ trợ tai nạn và quỹ sửa chữa	876.023.836	-
Thu nhập khác	1.658.044.054	928.614.889
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.877.825.930</b>	<b>4.349.511.364</b>

**6.8. Chi phí khác**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí hoàn trả hỗ trợ lãi suất cho ngân hàng	-	891.654.868
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	1.941.709.026
Chi phí liên kết nuôi ao	-	495.822.300
Tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất	2.305.709.117	-
Chi phí khác	948.056.132	3.917.580
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.253.765.249</b>	<b>3.333.103.774</b>

**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chênh lệch tạm thời	Số tiền	Thuế suất	Chi phí thuế hoãn lại
Chi phí thuế hoãn lại do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim 2	41.798.028	25%	(10.449.507)
Thuế hoãn lại từ việc hoàn nhập lãi chưa thực hiện của kỳ này	3.135.880	25%	(783.970)
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.933.908</b>		<b>(11.233.477)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 6.10. Chi phí theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí hàng hóa phát sinh	56.588.249.574	122.056.886.574
Chi phí nhân viên	65.948.610.344	53.379.169.873
Chi phí dự phòng	3.071.991.139	-
Chi phí nguyên liệu, CCDC	739.101.359.267	487.248.226.340
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.696.685.581	16.858.953.955
Thuế, phí và lệ phí	40.751.364	159.321.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.208.461.816	84.743.012.963
Chi phí bằng tiền khác	20.346.492.684	21.123.385.567
<b>Tổng cộng</b>	<b>976.002.601.769</b>	<b>785.568.956.622</b>

### 7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- + Sản xuất, thương mại
- + Thi công xây lắp
- + Bất động sản
- + Dịch vụ taxi
- + Nuôi trồng, chế biến thủy sản
- + Khác : cung cấp nước; sản xuất và cung cấp nước đá và các hoạt động khác

(Phần tiếp theo ở trang 29)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Báo cáo bộ phận theo ngành nghề kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012 như sau :

Lĩnh vực	Sản xuất, thương mại	Thi công	Bất động sản	DV Taxi	Chế biến thủy sản	Khác	Cộng
Doanh thu thuần	58.943.094.039	7.656.743.921	2.209.696.370	70.390.694.827	886.743.589.268	12.159.614.985	1.038.103.433.410
Giá vốn	(56.591.983.295)	(7.556.802.082)	(2.418.040.390)	(53.239.506.296)	(771.040.313.052)	(6.803.586.830)	(897.650.231.945)
Lợi nhuận từ HĐ bán hàng	(5.070.313.884)	(674.041.870)	(245.189.208)	4.824.676.009	54.507.732.818	2.944.232.911	56.287.096.776
Doanh thu tài chính	1.629.864.513	-	-	11.887.390	3.288.182.079	2.007.694	4.931.941.676
Chi phí tài chính	(25.618.876.673)	(1.348.286.667)	-	(3.921.210.375)	(8.333.755.620)	-	(39.222.129.335)
Lợi nhuận tài chính	(23.989.012.160)	(1.348.286.667)	-	(3.909.322.985)	(5.045.573.541)	2.007.694	(34.290.187.659)
Thu nhập khác	261.786.582	-	-	1.448.450.674	3.146.908.673	20.680.001	4.877.825.930
Chi phí khác	-	-	(2.305.709.117)	-	(948.028.845)	(27.287)	(3.253.765.249)
Lợi nhuận khác	261.786.582	-	(2.305.709.117)	1.448.450.674	2.198.879.828	20.652.714	1.624.060.681
Tổng lợi nhuận trước thuế	(28.797.539.462)	(2.022.328.537)	(2.550.898.325)	2.363.803.698	51.661.039.105	2.966.893.319	23.620.969.798
Chi phí thuế TNDN	(427.075.751)	-	5.530.082	(681.110.024)	-	(134.235.033)	(1.236.890.726)
Lợi nhuận sau thuế	(29.224.615.213)	(2.022.328.537)	(2.545.368.243)	1.682.693.674	51.661.039.105	2.832.658.286	22.384.079.072
Lợi ích CĐTS	(6.791.945)	-	-	-	-	(7.407.521)	(14.199.466)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	(29.217.823.268)	(2.022.328.537)	(2.545.368.243)	1.682.693.674	51.661.039.105	2.840.065.807	22.398.278.538

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 như sau :

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	3.243.888.786.236	123.511.655.199	(1.209.492.041.919)	2.157.908.399.516
Tài sản không phân bổ	-	-	-	3.852.030.220
<b>Tổng tài sản</b>	<b><u>3.243.888.786.236</u></b>	<b><u>123.511.655.199</u></b>	<b><u>(1.209.492.041.919)</u></b>	<b><u>2.161.760.429.736</u></b>
Nợ phải trả bộ phận	2.322.082.193.658	771.267.261	(722.879.030.282)	1.599.974.430.637
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	14.510.651
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b><u>2.322.082.193.658</u></b>	<b><u>771.267.261</u></b>	<b><u>(722.879.030.282)</u></b>	<b><u>1.599.988.941.288</u></b>

(Phần tiếp theo ở trang 31)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012.  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Báo cáo bộ phận theo ngành nghề kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 :

Lĩnh vực	Sản xuất, thương mại	Thi công	Bất động sản	DV Taxi	Chế biến thủy sản	Khác	Cộng
Doanh thu thuần	66.974.158.865	4.240.239.115	-	66.120.287.101	674.354.519.670	3.127.600.519	814.816.805.270
Giá vốn	(64.132.435.993)	(3.753.308.485)	51.069.600	(49.930.730.130)	(524.908.837.341)	(1.820.910.329)	(644.495.152.678)
Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng	(9.203.443.206)	(1.030.917.533)	51.069.600	4.946.420.888	93.543.407.339	976.302.717	89.282.839.805
Doanh thu tài chính	3.035.443.096	10.797.700	-	24.567.149	8.848.940.265	13.270	11.919.761.480
Chi phí tài chính	(22.390.409.804)	(863.398.767)	-	(4.456.634.194)	(34.482.570.431)	(187.934.566)	(62.380.947.762)
Lợi nhuận tài chính	(19.354.966.708)	(852.601.067)	-	(4.432.067.045)	(25.633.630.166)	(187.921.296)	(50.461.186.282)
Thu nhập khác	1.270.914.435	-	-	1.991.513.954	1.087.082.975	-	4.349.511.364
Chi phí khác	(1.476.512.443)	-	-	(1.358.565.231)	(498.026.100)	-	(3.333.103.774)
Lợi nhuận khác	(205.598.008)	-	-	632.948.723	589.056.875	-	1.016.407.590
Tổng lợi nhuận trước thuế	(28.764.007.922)	(1.883.518.600)	51.069.600	1.147.302.566	68.498.834.048	788.381.421	39.838.061.113
Chi phí thuế TNDN	(258.722.334)	-	(4.769.187)	(341.692.980)	-	(136.839.208)	(742.023.709)
Lợi nhuận sau thuế	(29.022.730.256)	(1.883.518.600)	46.300.413	805.609.586	68.498.834.048	651.542.213	39.096.037.404
Lợi ích cổ đông thiểu số	(145.729.858)	-	-	-	-	27.445.036	(118.284.822)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	(28.877.000.398)	(1.883.518.600)	46.300.413	805.609.586	68.498.834.048	624.097.177	39.214.322.226

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 :

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	2.805.995.406.680	109.492.563.208	(969.065.111.942)	1.946.422.857.946
Tài sản không phân bổ	-	-	-	9.525.953.379
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.805.995.406.680</b>	<b>109.492.563.208</b>	<b>(969.065.111.942)</b>	<b>1.955.948.811.325</b>
Nợ phải trả bộ phận	1.862.034.316.950	1.383.055.440	(497.854.194.841)	1.365.563.177.549
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	14.510.651
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.862.034.316.950</b>	<b>1.383.055.440</b>	<b>(497.854.194.841)</b>	<b>1.365.577.688.200</b>

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012 :

	Trong nước	Nước Ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu	856.774.650.852	272.718.501.741	-91.389.719.183	1.038.103.433.410
GV	749.978.749.155	237.946.892.769	-90.275.409.979	897.650.231.945
Chi phí bán hàng	34.720.620.260	13.886.649.427	-298.590.000	48.308.679.687
Chi phí QLDN	31.580.515.891	4.668.716.513	-391.807.402	35.857.425.002
Kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế, trước hoạt động tài chính và trước hoạt động khác	40.494.765.546	16.216.243.032	-423.911.802	56.287.096.776
Thu nhập tài chính				4.931.941.676
Chi phí tài chính				-39.222.129.335
Thu nhập khác				4.877.825.930
Chi phí khác				-3.253.765.249
Thuế TNDN				-1.236.890.726
Lợi ích của cổ đông thiểu số				(14.199.466)
Lợi nhuận sau thuế của CĐ mẹ				22.398.278.538

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 :

	Trong nước	Nước Ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu	629.602.373.434	240.772.778.198	-55.558.346.362	814.816.805.270
GV	513.001.155.707	186.621.336.846	-55.127.339.875	644.495.152.678
Chi phí bán hàng	31.555.426.742	15.781.251.252	-298.590.000	47.038.087.994
Chi phí QLDN	30.282.933.237	4.372.875.617	-655.084.061	34.000.724.793
Kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế, trước hoạt động tài chính và trước hoạt động khác	<u>54.762.857.748</u>	<u>33.997.314.483</u>	<u>522.667.574</u>	<u>89.282.839.805</u>
Thu nhập tài chính				11.919.761.480
Chi phí tài chính				62.380.947.762
Thu nhập khác				4.349.511.364
Chi phí khác				3.333.103.774
Thuế TNDN				742.023.709
Lợi ích của cổ đông thiểu số				<u>(118.284.822)</u>
Lợi nhuận sau thuế của CĐ mẹ				<u><u>39.214.322.226</u></u>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 8. Thông tin về các bên có liên quan

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, được gọi là các bên liên quan, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên có liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu Công ty Thanh Thy – xem mục 5.2	542.000.000	542.000.000
Phải thu ông Phạm Phúc Toại – xem mục 5.2	3.217.351.888	20.828.000
Phải trả Ông Phạm Phúc Toại – xem mục 5.18	525.425.500	504.597.500
Phải trả Ông Phạm Hoàng Long – xem mục 5.18	780.000.000	-
Phải trả Công ty Thanh Thy – xem mục 5.18	16.703.443.935	19.475.443.935

- Bản chất các giao dịch với công ty liên kết và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay công ty TNHH Thanh Thy	1.661.163.882	1.985.044.376

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của công ty mẹ

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc của công ty mẹ	536.655.000	759.108.290

## 9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.12

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
Tài sản tài chính	30/06/2012	01/01/2012
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.123.105.833	17.504.224.245
Phải thu khách hàng và phải thu khác	461.536.916.967	404.605.243.632
Tài sản khác	6.828.463.986	21.140.373.075
<b>Tổng cộng</b>	<b>484.488.486.786</b>	<b>443.249.840.952</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	923.698.130.104	997.218.815.386
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	391.552.045.411	411.438.786.724
Nhận ký quỹ	6.561.954.826	6.601.531.888
Chi phí phải trả	53.530.648.458	58.731.391.468
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.375.342.778.799</b>	<b>1.473.990.525.466</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

### ▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### ▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

### ▪ Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2012	01/01/2012	30/06/2012	01/01/2012
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	30.977.111,26	39.806.126,82	1.493.265,49	3.723.375,35
<i>Euro (EUR)</i>	134.748,00	-	141.919,23	235

### ▪ Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tập đoàn vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

### ▪ Rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

### ▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

<b>30/06/2012</b>	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	391.552.045.411	-	391.552.045.411
Chi phí phải trả	6.460.720.442	47.069.927.017	53.530.648.458
Các khoản vay	864.329.540.668	59.368.589.436	923.698.130.104
Nhận ký quỹ	603.726.000	5.958.228.826	6.561.954.826
<b>Cộng</b>	<b>1.262.946.032.521</b>	<b>112.396.745.279</b>	<b>1.375.342.777.800</b>

<b>01/01/2012</b>	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	411.438.786.724	-	411.438.786.724
Chi phí phải trả	11.661.463.451	47.069.928.017	58.731.391.468
Các khoản vay	800.589.964.892	196.628.850.494	997.218.815.386
Nhận ký quỹ	603.726.000	5.997.805.888	6.601.531.888
<b>Cộng</b>	<b>1.224.293.941.067</b>	<b>249.696.584.399</b>	<b>1.473.990.525.466</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>30/06/2012</b>	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	392.774.945.840	68.761.971.127	461.536.916.967
Tài sản khác	5.843.736.609	984.727.377	6.828.463.986
<b>Cộng</b>	<b>398.618.682.449</b>	<b>69.746.698.504</b>	<b>468.365.380.953</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	338.611.781.905	65.993.461.727	404.605.243.632
Tài sản khác	21.025.373.075	115.000.000	21.140.373.075
<b>Cộng</b>	<b><u>359.637.154.980</u></b>	<b><u>66.108.461.727</u></b>	<b><u>425.745.616.707</u></b>

## 10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Do Chính Phủ quy định không được phép hoạt động khai thác cát nên Công ty TNHH MTV Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long dự định sẽ được giải thể trong tương lai.

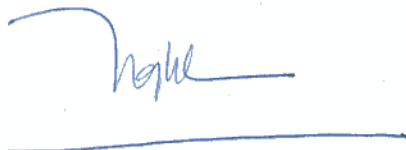
Ngoài ra, không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

## 11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 01 tháng 08 năm 2012.

Long An, ngày 01 tháng 08 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI